

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-39

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía đường I - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được chuyển đổi (CPH) từ Tổng Công ty Mía đường I - Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 1913/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/07/2013. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 14 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên	
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Hồng Phương	Ủy viên	
Ông Đặng Việt Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 30/06/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mùi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đường Thị Hồng Hải	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 30/06/2018
Bà Văn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30/06/2018
Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Đỗ Đình Quý	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018
Bà Lê Thị Huệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Đỗ Minh Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được lập ngày 30 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP cho năm tài chính 2017 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		593.494.081.445	807.358.913.562
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.924.959.577	67.324.485.340
111	1. Tiền		12.930.075.992	63.431.903.461
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.994.883.585	3.892.581.879
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		413.329.917.508	594.227.694.287
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	174.828.999.163	288.728.801.650
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	117.746.105.248	274.623.186.683
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	27.000.000.000	7.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	100.078.491.310	30.357.860.683
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.323.678.213)	(6.482.154.729)
140	IV. Hàng tồn kho	10	144.678.311.706	129.323.347.763
141	1. Hàng tồn kho		144.678.311.706	129.323.347.763
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.560.892.654	16.483.386.172
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		16.559.698.445	14.201.148.800
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.001.194.209	2.282.237.372
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		475.561.136.845	475.952.103.913
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.000.000.000	187.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	187.000.000.000	187.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		7.722.823.845	8.113.790.913
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.722.823.845	8.113.790.913
222	- Nguyên giá		13.796.462.341	13.827.258.625
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.073.638.496)	(5.713.467.712)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	280.838.313.000	280.838.313.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		109.203.844.000	109.203.844.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		145.913.413.000	145.913.413.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.592.500.000	34.592.500.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.871.444.000)	(8.871.444.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.069.055.218.290	1.283.311.017.475

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCF

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		588.528.939.920	803.834.877.900
310	I. Nợ ngắn hạn		571.437.603.645	783.143.541.625
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	153.579.493.977	180.182.163.299
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	45.686.385.716	274.923.812.912
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.196.713.454	963.512.520
314	4. Phải trả người lao động		214.352.674	1.603.546.511
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.762.406.433	10.242.928.976
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		296.969.701	288.257.576
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	44.313.314.505	45.397.408.286
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	314.524.076.950	261.574.987.093
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.863.890.235	7.966.924.452
330	II. Nợ dài hạn		17.091.336.275	20.691.336.275
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	17.091.336.275	20.691.336.275
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		480.526.278.370	479.476.139.575
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	480.472.387.556	479.422.248.761
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		430.490.990.000	430.490.990.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		430.490.990.000	430.490.990.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.369.683.542	10.412.517.759
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.611.714.014	38.518.741.002
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		36.604.409.436	6.613.214.912
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		2.007.304.578	31.905.526.090
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		53.890.814	53.890.814
431	1. Nguồn kinh phí		53.890.814	53.890.814
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.069.055.218.290	1.283.311.017.475



Trần Đình Tiến
Người lập



Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	642.781.207.145	688.930.242.548
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		642.781.207.145	688.930.242.548
11	4. Giá vốn hàng bán	21	631.480.762.590	674.440.327.191
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.300.444.555	14.489.915.357
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	9.624.588.478	30.164.160.470
22	7. Chi phí tài chính	23	10.011.828.512	10.742.240.654
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>9.652.340.650</i>	<i>10.742.240.654</i>
25	8. Chi phí bán hàng	24	3.962.697.770	4.626.724.526
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.083.283.891	6.623.493.771
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		867.222.860	22.661.616.876
31	11. Thu nhập khác	26	1.413.482.933	1.332.534.684
32	12. Chi phí khác		28.300.070	287.134.254
40	13. Lợi nhuận khác		1.385.182.863	1.045.400.430
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.252.405.723	23.707.017.306
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	245.101.145	495.757.075
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.007.304.578</u>	<u>23.211.260.231</u>

Trần Đình Tiến

Trần Đình Tiến
Người lập

Trần Thị Mùi

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.252.405.723	23.707.017.306
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		390.967.068	418.460.753
03	- Các khoản dự phòng		(158.476.516)	102.200.896
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		343.246.343	(54.212.353)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.621.757.579)	(21.479.655.885)
06	- Chi phí lãi vay		9.652.340.650	10.742.240.654
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.858.725.689	13.436.051.371
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		205.658.986.527	(129.687.724.697)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.354.963.943)	(90.001.359.778)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(266.620.162.128)	171.664.948.012
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.686.104.985)	(13.519.583.777)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(60.200.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(86.203.718.840)	(48.107.668.869)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	195.454.545
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.855.103.220	21.487.746.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.144.896.780)	21.683.200.545
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		530.725.869.787	370.684.110.922
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(477.776.779.930)	(351.829.511.103)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(18.877.767.999)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.949.089.857	(23.168.180)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(50.399.525.763)	(26.447.636.504)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.324.485.340	44.595.635.839
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>16.924.959.577</u>	<u>18.147.999.335</u>

Trần Đình Tiến
Người lập

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được chuyển đổi (CPH) từ Tổng Công ty Mía đường I - Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 1913/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/07/2013. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 14 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 430.490.990.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 430.490.990.000 đồng; tương đương 43.049.099 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm, đồ uống;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích, lắp đặt hệ thống xây dựng khác, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2018, tình hình tiêu thụ đường của Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn. Giá bán đường thành phẩm có xu hướng đi xuống liên tục bắt đầu từ cuối quý 4 năm 2017, thị trường đường bị cạnh tranh lớn từ đường nhập ngoại cũng như việc xuất khẩu sang các thị trường khác không ổn định. Do đó, sản lượng đường tiêu thụ cũng như giá bán đường sụt giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho kết quả kinh doanh kỳ này sụt giảm mạnh.

Bên cạnh đó, vụ sản xuất của Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương (nhà cung cấp chính đường chính của Tổng Công ty) thường bắt đầu từ cuối năm trước đến đầu quý II của năm sau nên thời điểm đầu năm sẽ là thời điểm phát sinh nhiều các hợp đồng mua, bán hàng tương ứng số dư các khoản ứng trước cho nhà cung cấp và nhận ứng trước của khách hàng cũng sẽ phát sinh lớn tại thời điểm đầu năm. Tại thời điểm cuối kỳ, hoạt động mua bán đã không còn nhiều nên số dư các khoản ứng trước và nhận ứng trước nêu trên cũng sẽ giảm mạnh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Xuất nhập khẩu thực phẩm - Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 40 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn, các khoản lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Các khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động kinh doanh thương mại các sản phẩm đường. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.525.035.341	620.297.192
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.405.040.651	62.811.606.269
Các khoản tương đương tiền	3.994.883.585	3.892.581.879
	<u>16.924.959.577</u>	<u>67.324.485.340</u>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình với lãi suất 5%/năm. Toàn bộ khoản tương đương tiền này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP An Bình (chi tiết tại thuyết minh số 17).

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	109.203.844.000	(8.871.444.000)	109.203.844.000	(8.871.444.000)
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	70.937.340.000	-	70.937.340.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	20.279.504.000	(8.871.444.000)	20.279.504.000	(8.871.444.000)
- Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	17.987.000.000	-	17.987.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	145.913.413.000	-	145.913.413.000	-
- Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	97.186.320.000	-	97.186.320.000	-
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	48.727.093.000	-	48.727.093.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-
- Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-
	289.709.757.000	(8.871.444.000)	289.709.757.000	(8.871.444.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết, khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 30/06/2018:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Tỉnh Tuyên Quang	62,19%	62,19%	Sản xuất và kinh doanh đường
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Thành phố Hà Nội	95,07%	95,07%	Kinh doanh các sản phẩm đường
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	Tỉnh Phú Thọ	71,23%	71,23%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, NGK
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	Tỉnh Thanh Hóa	17,50%	(*)	Sản xuất và kinh doanh đường
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Thành phố Hà Nội	44,85%	44,85%	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo, thực phẩm
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	Thành phố Hồ Chí Minh	5,00%	5,00%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đường

(*): Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định rằng Tổng Công ty là bên có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan, do Ông Nguyễn Văn Hội - Tổng Giám đốc của Tổng Công ty là phó chủ tịch Hội đồng thành viên và Bà Trần Thị Mùi - Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng của Tổng Công ty là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 32.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	40.579.420.791	-	123.242.976.112	-
Công ty TNHH An Hà	32.175.000.001	-	32.175.000.001	-
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	33.610.884.359	-	-	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	3.533.399.887	-	29.686.999.895	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.345.000.000	-	17.345.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt	3.480.000.000	-	8.480.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	44.105.294.125	(2.978.190.536)	77.798.825.642	(2.978.210.536)
	<u>174.828.999.163</u>	<u>(2.978.190.536)</u>	<u>288.728.801.650</u>	<u>(2.978.210.536)</u>

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	81.007.299.399	-	191.447.361.498	-
--	----------------	---	-----------------	---

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	46.426.367.403	-	167.391.274.922	-
Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh	29.777.733.333	-	28.977.733.333	-
Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt	8.447.899.997	-	8.447.899.997	-
Công ty TNHH Đức Lộc	10.300.000.000	-	10.300.000.000	-
COMEK S.R.L	7.363.959.038	-	4.258.477.200	-
GIMEN S.R.L	3.452.123.022	-	3.058.703.306	-
Trả trước cho người bán khác	11.978.022.455	(41.480.484)	52.189.097.925	(41.480.484)
	117.746.105.248	(41.480.484)	274.623.186.683	(41.480.484)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	48.839.228.517	-	195.260.488.919	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)</i>				

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu ⁽¹⁾	20.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung ⁽²⁾	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
	27.000.000.000	-	7.000.000.000	-
b) Dài hạn				
Công ty CP Mía đường Sơn Dương ⁽³⁾	187.000.000.000	-	187.000.000.000	-
	187.000.000.000	-	187.000.000.000	-
c) Phải thu về cho vay các bên liên quan				
	207.000.000.000	-	187.000.000.000	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)</i>				

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay:

TT	Bên vay/hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ gốc tại 30/06/2018	Hình thức đảm bảo
I	Các khoản cho vay ngắn hạn						
1	Công ty Cổ phần Bán kẹo Hải Châu	20.000.000.000				20.000.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 96/HĐKT/HC-TCT ngày 30 tháng 05 năm 2018		Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	15 ngày và tự động gia hạn	Không tính lãi	20.000.000.000	Tín chấp
2	Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung						
	Hợp đồng tín dụng số 130/HĐKT-MĐI-TCKT ngày 23 tháng 10 năm 2017	7.000.000.000	Cho vay để Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung làm việc với các nhà cung cấp, thiết bị Trung Quốc hoàn thành các công việc liên quan đến hợp đồng số 45/VINASUGARI-MINGYANG/2015	Không xác định thời hạn	8%/năm	7.000.000.000	Tín chấp
	Tổng cộng cho vay ngắn hạn					27.000.000.000	
II	Các khoản cho vay dài hạn						
3	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương					187.000.000.000	
3.1	Hợp đồng tín dụng số 45/2014-ĐSD&TCT.MĐI ngày 22/12/2014 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 30/09/2015	60.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	60.000.000.000	Tín chấp
3.2	Hợp đồng tín dụng số 08/2015-ĐSD&TCT.MĐI ngày 30/09/2015	36.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	36.000.000.000	Tín chấp



TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay:

TT	Bên vay/hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ gốc tại 30/06/2018	Hình thức đảm bảo
3.3	Hợp đồng tín dụng số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016	30.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	30.000.000.000	Tài sản đảm bảo
3.4	Hợp đồng tín dụng số 11/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016	56.551.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	56.551.000.000	Tài sản đảm bảo
3.5	Hợp đồng số 36/2014-ĐSD&TM.VDT ngày 22/01/2014 và phụ lục số 03 ngày 01/10/2015	16.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	4.449.000.000	Tín chấp
	Tổng cộng cho vay dài hạn					187.000.000.000	

22 TRẢ HÃ
 OÁ
 KIẾ
 KIẾ
 KIẾ

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức được chia	1.026.900.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.810.589.828	-	22.070.835.469	-
Tạm ứng	406.289.630	-	356.899.630	-
Ký cược, ký quỹ	54.782.499.289	-	243.874.549	-
Các khoản chi hộ	8.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	821.256.312	(821.256.312)	821.256.312	(821.256.312)
Công ty CP Mía đường Trà Vinh	4.546.910.863	(2.273.455.432)	4.546.910.863	(2.273.455.432)
Phải thu khác	2.684.045.388	(209.295.449)	2.318.083.860	(367.751.965)
	<u>100.078.491.310</u>	<u>(3.304.007.193)</u>	<u>30.357.860.683</u>	<u>(3.462.463.709)</u>
b) Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>35.721.368.303</u>	<u>-</u>	<u>21.153.807.633</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

Thông tin chi tiết về khoản ký quỹ, ký cược tại thời điểm cuối kỳ:

Đây là khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình để phát hành thư tín dụng cho hợp đồng hợp đồng số 45/VINASUGARI-MINGYANG/2015 ngày 16/12/2015, chi tiết thư tín dụng như sau:

- Đối tượng thụ hưởng: Guangxi Minyang Import and Export Trade Company Limited;
- Thụ hưởng tại ngân hàng: Bank of China (Guangxi Brand);
- Số tiền ký quỹ: 2.399.596 USD;
- Thời hạn bảo lãnh: 31/03/2019.

9 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Mía đường Trà Vinh	7.048.841.464	3.524.420.732	7.048.841.464	3.524.420.732
- Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	-	1.657.200.000	-
- Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	821.256.312	-	821.256.312	-
- Các khoản khác	363.036.149	42.234.980	551.926.102	72.648.417
	9.890.333.925	3.566.655.712	10.079.223.878	3.597.069.149

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	265.786.477	-	36.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	81.200.327.388	-	92.166.225.919	-
Hàng hoá	79.535.368	-	-	-
Hàng gửi đi bán	63.132.662.473	-	37.157.085.541	-
	144.678.311.706	-	129.323.347.763	-

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	8.690.466.403	4.991.880.000	144.912.222	13.827.258.625
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.796.284)	(30.796.284)
Số dư cuối kỳ	8.690.466.403	4.991.880.000	114.115.938	13.796.462.341
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.626.996.882	941.558.608	144.912.222	5.713.467.712
- Khấu hao trong kỳ	141.373.067	249.594.001	-	390.967.068
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.796.284)	(30.796.284)
Số dư cuối kỳ	4.768.369.949	1.191.152.609	114.115.938	6.073.638.496
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.063.469.521	4.050.321.392	-	8.113.790.913
Tại ngày cuối kỳ	3.922.096.454	3.800.727.391	-	7.722.823.845

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp các khoản vay: 2.913.373.755 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 114.115.938 VND.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	55.173.831.817	55.173.831.817	68.824.668.777	68.824.668.777
Công ty TNHH Đại Phát Lợi	15.550.360.000	15.550.360.000	12.090.560.000	12.090.560.000
Công ty TNHH Văn Chương	5.157.893.083	5.157.893.083	10.658.722.564	10.658.722.564
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	1.633.600.000	1.633.600.000	7.442.750.000	7.442.750.000
Công ty TNHH Hồng Dương	6.781.884.601	6.781.884.601	8.819.643.500	8.819.643.500
Phải trả các đối tượng khác	69.281.924.476	69.281.924.476	72.345.818.458	72.345.818.458
	153.579.493.977	153.579.493.977	180.182.163.299	180.182.163.299
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.796.708.589	1.796.708.589	1.019.478.900	1.019.478.900

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	228.616.973.251
Đại lý Lương Thị Bắc	21.222.300.000	456.600.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	14.078.374.054	9.669.265.028
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	3.182.640.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Đức Lộc	-	23.606.125.004
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Hà	-	6.132.067.503
Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Minh Tâm	2.328.150.000	-
Các đối tượng khác	4.874.921.662	2.442.782.126
	45.686.385.716	274.923.812.912
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
	17.261.014.054	242.286.238.279

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTPC

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		447.655.740		3.649.447.852		3.071.448.397		-		1.025.655.195	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	35.942.018		-		455.023.746		419.081.728		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.246.295.354		-		245.101.145		-		2.001.194.209		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		515.856.780		228.589.920		573.388.441		-		171.058.259	
	2.282.237.372		963.512.520		4.578.162.663		4.063.918.566		2.001.194.209		1.196.713.454	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	977.055.834	1.281.594.285
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nhung	1.259.836.781	6.459.836.781
- Phí nhập khẩu, vận chuyển	105.714.000	1.824.100.000
- Chi phí phải trả khác	419.799.818	677.397.910
	<u>2.762.406.433</u>	<u>10.242.928.976</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	31.555.052	9.579.549
- Bảo hiểm phải nộp	60.519.384	27.628.415
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch ⁽¹⁾	21.300.000.000	19.700.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ⁽²⁾	19.148.900.305	19.148.900.305
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.529.604.016	3.529.604.016
- Phải trả lãi vay	-	2.729.225.884
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	242.735.748	252.470.117
	<u>44.313.314.505</u>	<u>45.397.408.286</u>
b) Dài hạn		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch ⁽¹⁾	17.091.336.275	20.691.336.275
	<u>17.091.336.275</u>	<u>20.691.336.275</u>
c) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>24.046.865.293</u>	<u>7.764.076.546</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

(1): Đây là khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của hợp đồng vay vốn số 14/HĐNHNo ngày 14/03/1995 kèm phụ lục hợp đồng số 14/HĐNHNo-PL01 ngày 15/01/2015.

(2): Đây là khoản lãi chậm nộp tiền bán phần vốn nhà nước theo công văn số 945/ĐTKDV-TCKT ngày 26/04/2016 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	253.810.910.547	253.810.910.547	492.243.411.040	457.777.109.930	288.277.211.657	288.277.211.657
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽¹⁾	100.006.827.267	100.006.827.267	199.865.367.783	202.635.257.976	97.236.937.074	97.236.937.074
- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽²⁾	75.000.000.000	75.000.000.000	185.000.000.000	175.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình ⁽³⁾	49.992.000.000	49.992.000.000	79.929.000.000	49.921.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên ⁽⁴⁾	28.812.083.280	28.812.083.280	27.449.043.257	30.220.851.954	26.040.274.583	26.040.274.583
Vay ngắn hạn cá nhân⁽⁵⁾	7.764.076.546	7.764.076.546	38.482.458.747	19.999.670.000	26.246.865.293	26.246.865.293
- Ông Nguyễn Văn Hội	-	-	19.999.670.000	19.999.670.000	-	-
- Bà Cao Thị Hồng Liên	-	-	9.500.000.000	-	9.500.000.000	9.500.000.000
- Ông Nguyễn Phú Cường	100.000.000	100.000.000	300.000.000	-	400.000.000	400.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Anh	-	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000
- Ông Trần Ngọc Nghiêm	-	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000
- Bà Trần Thị Ngọc Trang	7.664.076.546	7.664.076.546	4.282.788.747	-	11.946.865.293	11.946.865.293
	261.574.987.093	261.574.987.093	530.725.869.787	477.776.779.930	314.524.076.950	314.524.076.950
Các khoản vay với bên liên quan	7.764.076.546	7.764.076.546			24.046.865.293	24.046.865.293

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)



Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTPC
Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

TT	Ngân hàng/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn cấp hạn mức	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng và rút vốn để thanh toán L/C	Hết ngày 30/04/2018	Theo từng giấy nhận nợ	97.236.937.074	Tài sản đảm bảo.
	Hợp đồng tín dụng số 10277.17.065.789999.TD ngày 01/08/2017	60.000.000.000					
2	Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm	40.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.	Hết ngày 30/04/2018	Theo từng giấy nhận nợ	37.236.937.074	Tài sản đảm bảo.
	Hợp đồng vay tiền số 11168.17.065.24150.TD ngày 12 tháng 07 năm 2017	85.000.000.000					
3	Ngân hàng TMCP An Bình	100.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.	Hết ngày 31/05/2018	Theo từng giấy nhận nợ	85.000.000.000	Tài sản đảm bảo.
	Hợp đồng cho vay từng lần số 4448/17/TD.II.22 ngày 18/08/2017	80.000.000.000					
4	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ABBANK giải ngân	Theo từng giấy nhận nợ	80.000.000.000	Tài sản đảm bảo.
	Hợp đồng vay tiền số 1701-LAV-201700394 ngày 10 tháng 11 năm 2017	26.040.274.583					
5	Các Khoản vay cá nhân	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.	Hết ngày 06/11/2018	Theo từng giấy nhận nợ	26.040.274.583	Tín chấp.
	Theo các hợp đồng tín dụng vay cá nhân cụ thể	26.246.865.293					
	Tổng cộng					26.246.865.293	Tín chấp.
						#####	

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCF

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	430.490.990.000	8.078.575.039	25.154.305.101	463.723.870.140
Lãi trong kỳ trước	-	-	23.211.260.231	23.211.260.231
Phân phối lợi nhuận	-	2.333.942.720	(19.027.110.785)	(16.693.168.065)
Số dư cuối kỳ trước	430.490.990.000	10.412.517.759	29.338.454.547	470.241.962.306
Số dư đầu năm nay	430.490.990.000	10.412.517.759	38.518.741.002	479.422.248.761
Lãi/lỗ trong kỳ nay	-	-	2.007.304.578	2.007.304.578
Phân phối lợi nhuận	-	957.165.783	(1.914.331.566)	(957.165.783)
Số dư cuối kỳ nay	430.490.990.000	11.369.683.542	38.611.714.014	480.472.387.556

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 1232/NQ-MĐI-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2017	100,00%	38.003.957.627
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,52%	957.165.783
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,52%	957.165.783
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	79,29%	30.134.369.300
Lợi nhuận chưa phân phối	15,67%	5.955.256.761

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty chưa có Thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị nên khoản cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vẫn được trình bày trên chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối".

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty TNHH Sản xuất & Đầu tư Thương mại Chiến Thắng	45,80%	197.164.870.000	0,00%	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Hợp Thịnh	0,00%	-	45,80%	197.164.870.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	30,88%	132.951.900.000	35,38%	152.328.750.000
Tổng Công ty Mía đường II	7,96%	34.250.000.000	7,96%	34.250.000.000
Bà Trần Thị Lệ Châm	5,30%	22.801.730.000	5,30%	22.801.730.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0,68%	2.928.850.000	0,68%	2.928.850.000
Các cổ đông khác	9,38%	40.393.640.000	4,88%	21.016.790.000
	54%	430.490.990.000	100%	430.490.990.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp đầu kỳ	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp cuối kỳ	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận:	30.134.369.300	8.609.819.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	30.134.369.300	8.609.819.800

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.369.683.542	10.412.517.759
	<u>11.369.683.542</u>	<u>10.412.517.759</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện thuê đất theo hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm. Vào ngày 30/06/2018, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê được trình bày như sau:

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	80.241.034	80.241.034
- Trên 1 năm đến 5 năm	320.964.136	320.964.136
- Trên 5 năm	1.604.820.680	1.644.941.197
	<u>2.006.025.850</u>	<u>2.046.146.367</u>

Công ty thuê đất Nhà nước dưới hình thức trả tiền hàng năm đối với thửa đất tại số 17, đường Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh tuy, quận Hai Bà Trưng với mục đích xây dựng văn phòng làm việc, thời hạn thuê đất là 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 10 năm 1993. Tổng diện tích thuê là 337 m².

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	622.404,20	622.404,20

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
	14.116.925.089	14.116.925.089



20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	628.255.704.984	688.930.242.548
Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.525.502.161	-
	642.781.207.145	688.930.242.548
Doanh thu đối với các bên liên quan	304.843.145.819	303.317.424.458
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)</i>		

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	617.245.770.472	674.440.327.191
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	14.234.992.118	-
	631.480.762.590	674.440.327.191

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.594.857.579	8.622.202.117
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.026.900.000	21.487.746.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.830.899	54.212.353
	9.624.588.478	30.164.160.470

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.652.340.650	10.742.240.654
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.241.519	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	343.246.343	-
	10.011.828.512	10.742.240.654

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	3.270.000
Chi phí nhân công	55.092.116	1.436.765.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.712.064.529	2.526.830.370
Chi phí khác bằng tiền	195.541.125	659.858.857
	3.962.697.770	4.626.724.526

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.750.076	34.237.812
Chi phí nhân công	3.933.084.926	3.963.991.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.966.998	418.460.753
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(158.476.516)	102.200.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.318.109	568.702.302
Chi phí khác bằng tiền	1.438.640.298	1.535.900.813
	6.083.283.891	6.623.493.771

26 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Thu nhập nhân sự tại Việt Đài	1.323.816.266	1.262.716.284
Phụ cấp BKS và HĐQT tại Sơn Dương và Hải Châu	89.666.667	-
Thu nhập khác	-	69.818.400
	1.413.482.933	1.332.534.684

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.252.405.723	23.707.017.306
Các khoản điều chỉnh tăng	-	259.514.067
- Chi phí không hợp lệ	-	259.514.067
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.026.900.000)	(21.487.746.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.026.900.000)	(21.487.746.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.225.505.723	2.478.785.373
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	245.101.145	495.757.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(2.246.295.354)	(2.246.295.354)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(2.001.194.209)	(1.750.538.279)

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân công	3.722.339.477	5.158.094.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.967.068	418.460.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.794.205.590	28.156.922.819
Chi phí khác bằng tiền	1.566.039.699	1.801.955.191
	13.473.551.834	35.535.433.270

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.924.959.577	-	67.324.485.340	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	274.509.545.397	(6.282.197.729)	319.086.662.333	(6.440.674.245)
Các khoản cho vay	214.000.000.000	-	194.000.000.000	-
	505.434.504.974	(6.282.197.729)	580.411.147.673	(6.440.674.245)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			314.524.076.950	261.574.987.093
Phải trả người bán, phải trả khác			214.804.962.971	246.270.907.860
Chi phí phải trả			2.762.406.433	10.242.928.976
			532.091.446.354	518.088.823.929

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.924.959.577	-	-	16.924.959.577
Phải thu khách hàng, phải thu khác	268.227.347.668	-	-	268.227.347.668
Các khoản cho vay	27.000.000.000	187.000.000.000	-	214.000.000.000
	<u>312.152.307.245</u>	<u>187.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>499.152.307.245</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.324.485.340	-	-	67.324.485.340
Phải thu khách hàng, phải thu khác	312.645.988.088	-	-	312.645.988.088
Các khoản cho vay	7.000.000.000	187.000.000.000	-	194.000.000.000
	<u>386.970.473.428</u>	<u>187.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>573.970.473.428</u>

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	314.524.076.950	-	-	314.524.076.950
Phải trả người bán, phải trả khác	197.713.626.696	17.091.336.275	-	214.804.962.971
Chi phí phải trả	2.762.406.433	-	-	2.762.406.433
	<u>515.000.110.079</u>	<u>17.091.336.275</u>	<u>-</u>	<u>532.091.446.354</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	261.574.987.093	-	-	261.574.987.093
Phải trả người bán, phải trả khác	225.579.571.585	20.691.336.275	-	246.270.907.860
Chi phí phải trả	10.242.928.976	-	-	10.242.928.976
	<u>497.397.487.654</u>	<u>20.691.336.275</u>	<u>-</u>	<u>518.088.823.929</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TẠI BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
a) Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng		
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	3.994.883.585	-
b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	530.725.869.787	370.684.110.922
c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(477.776.779.930)	(351.829.511.103)

31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2018	2017
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, hợp đồng xây lắp		304.843.145.819	303.317.424.458
Công ty CP Bia rượu nước giải khát Viger	Công ty con	14.414.773.755	13.713.784.754
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	60.635.848.941	46.541.274.524
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	226.106.947.522	222.472.934.740
Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Công ty con	3.121.331.000	1.753.157.867
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Công ty con	564.244.600	2.309.460.220
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công đồng lớn	-	16.526.812.353
Mua hàng hóa, vật tư		355.055.794.308	288.561.114.374
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	354.425.598.088	288.299.017.374
Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Công ty con	583.674.000	211.445.000
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	46.522.220	50.652.000
Cổ tức được chia		1.026.900.000	4.859.316.000
Công ty CP Bia rượu nước giải khát Viger	Công ty con	1.026.900.000	-
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	Công ty liên kết	-	4.859.316.000
Lãi cho vay vốn		7.280.222.224	7.517.763.164
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	7.280.222.224	7.315.483.883
Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Công ty con	-	202.279.281
Vay vốn		36.282.458.747	-
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT	19.999.670.000	-
Bà Cao Thị Hồng Liên	(1)	9.500.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Cường	(2)	300.000.000	-
Ông Trần Ngọc Nghiêm	(3)	2.200.000.000	-
Bà Trần Thị Ngọc Trang	(3)	4.282.788.747	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		81.007.299.399	191.447.361.498
Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Công ty con	5.062.568.700	1.629.104.600
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	33.660.506.258	49.958.884.586
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	40.579.420.791	138.449.599.236
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	Công ty con	1.703.460.400	1.408.429.826
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam- Đài Loan	Công ty liên kết	1.343.250	1.343.250
Ứng trước cho nhà cung cấp		48.839.228.517	195.260.488.919
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	45.539.228.517	174.060.488.919
Công ty TNHH NXX và TM Hợp Thịnh	Cổ đồng lớn	3.300.000.000	21.200.000.000
Phải thu về cho vay		207.000.000.000	187.000.000.000
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	187.000.000.000	187.000.000.000
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	20.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
Phải thu khác		35.721.368.303	21.153.807.633
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	27.694.468.303	21.138.675.088
Công ty CP Bia rượu nước giải khát Viger	Công ty con	1.026.900.000	-
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Công ty con	-	15.132.545
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	7.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		1.796.708.589	1.019.478.900
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Công ty con	325.435.247	-
Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Công ty con	1.304.429.500	903.809.500
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	166.843.842	115.669.400
Người mua trả tiền trước		17.261.014.054	242.286.238.279
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Công ty con	-	228.616.973.251
Công ty CP Bia rượu nước giải khát Viger	Công ty con	3.182.640.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	14.078.374.054	9.669.265.028
Các khoản vay		24.046.865.293	7.764.076.546
Bà Cao Thị Hồng Liên	(1)	9.500.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Cường	(2)	400.000.000	100.000.000
Ông Trần Ngọc Nghiêm	(3)	2.200.000.000	-
Bà Trần Thị Ngọc Trang	(3)	11.946.865.293	7.664.076.546

(1): Bà Cao Thị Hồng Liên là vợ của chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

(2): Ông Nguyễn Phú Cường là Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc của Công ty Thương mại và Tư vấn.

(3): Ông Trần Ngọc Nghiêm và bà Trần Thị Ngọc Trang là người nhà của Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Thu nhập của Tổng Giám đốc	VND 395.855.083	VND 381.252.091
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	613.899.000	721.600.131

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại và điều chỉnh bổ sung cho phù hợp:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước VND
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.000.000.000	189.551.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	30.357.860.683	34.806.860.683
Hàng tồn kho	141	129.323.347.763	129.679.416.636
Phải thu về cho vay dài hạn	215	187.000.000.000	-

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước VND
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp)			
Phải trả người bán ngắn hạn	311	180.182.163.299	180.298.975.548
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.242.928.976	30.696.968.975
Phải trả ngắn hạn khác	319	45.397.408.286	25.697.408.286
Chi phí phải trả dài hạn	333	-	20.691.336.275
Phải trả dài hạn khác	337	20.691.336.275	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	38.518.741.002	38.003.957.627

Thông tin chi tiết các nội dung phân loại và điều chỉnh bổ sung:

Khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu ngắn hạn khác" và "Phải thu về cho vay dài hạn"

Phân loại lại khoản cho vay dài hạn của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương đang theo dõi trên khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn" số tiền 182.551.000.000 đồng và khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" số tiền 4.449.000.000 đồng sang theo dõi trên khoản mục "Phải thu về cho vay dài hạn"

Khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn", "Chi phí phải trả dài hạn", "Phải trả ngắn hạn khác" và "Phải trả dài hạn khác"

Phân loại lại khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 20.454.039.999 đồng, "Chi phí phải trả dài hạn" số tiền 19.700.000.000 đồng sang theo dõi tương ứng ở các khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" và "Phải trả dài hạn khác"

Phân loại lại hàng tạm nhập số tiền 754.039.999 đồng đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" sang khoản mục "Phải trả người bán"

Khoản mục "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn"

Ghi nhận bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19.5 số tiền 201.507.507 đồng.

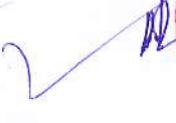
Khoản mục "Hàng tồn kho"

Ghi giảm "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" số tiền 356.068.873 đồng do ghi nhận 02 lần cho một nghiệp vụ nhập hàng kỳ trước.

Khoản mục "Phải trả người bán"

Điều chỉnh giảm nghiệp vụ mua hàng ghi nhận 02 lần số tiền 514.783.375 đồng và ảnh hưởng tại các mục "Chi phí phải trả ngắn hạn", "Hàng tồn kho".


Trần Đình Tiến
Người lập


Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018